

Thời Hậu Lê

Thời Hậu Lê - thời kỳ phân tranh (1533-1788) tồn tại trong 256 năm với diễn biến như sau:

Nam triều - Bắc triều (1533-1593)
Trịnh - Nguyễn phân tranh

Các đời chúa Trịnh (1545-1787)
Các đời chúa Nguyễn (1600-1802)

Nam triều - Bắc triều (1533-1593):

Đến đầu thập lục thế kỷ, bởi vì vua nhà Lê hoang dâm vô độ, bỏ việc triều chính đổ nát, cho nên trong nước loạn lạc, nhà Mạc nhân dịp này đoạt ngôi. Nhà Lê tuy đã mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công đức của vua Thái Tổ và vua Thánh Tông, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê ở phía nam, lập ra triều đình riêng ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An, để chống lại nhà Mạc. Đất nước chia ra thành hai miền: Nam triều và Bắc triều; hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi năm trời.

♦ Lê Trang Tông (1533-1548):

Niên hiệu: Nguyên Hoà.

Năm năm sau, kể từ ngày bị Mạc Đăng Dung giành ngôi vua, đến năm Quý Tỵ (1533), nhà Lê lại được dựng lên, mặc dù vua ở đất Lào nhưng đã có niên hiệu, các nhà chép sử gọi đó là thời Lê Trung Hưng (Hậu Lê).

Lê Trang Tông, húy Ninh, lại có tên nữa là Huyền, là con của Chiêu Tông, cháu ba đời của Thánh Tông. Mẹ là Phạm Thị Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trì, huyện Thụy Nguyên (nay là Ngọc Lạc, Thanh Hoá). Khi Đăng Dung bức Chiêu Tông về kinh thì Duy Ninh chạy về Thanh Hoá, mới 11 tuổi, Lê Quán ẵm chạy sang Ai Lao đổi tên là Huyền. Lúc đó tướng cũ là Chiêu Huân công Nguyễn Kim mật mưu khôi phục, sai Trịnh Duy Thuần cùng Trịnh Duy Sản triệu tập thần dân cũ, đón Duy Ninh lập nên làm vua, bấy giờ 19 tuổi.

Năm Quý Tỵ (1533), tháng Giêng, Duy Ninh lên ngôi ở đất Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hoà, tôn đại tướng quân Nguyễn Kim làm Thượng phụ Thái sư Hưng quốc công chưởng nội ngoại sự, lấy hoạn quan là Đinh Công làm thiếu úy hưng Quốc công... lấy trại Sầm Hạ làm nơi hành tại, giao kết với vua Ai Lao là Sạ Đầu để nhờ vả quân, lương mưu việc lấy lại nước, sai Trịnh Duy Liêu sang Minh tâu tố Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường tiến công. Nhà Minh sai Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm Tổng đốc quan vụ, Binh bộ thượng thư Mao Bá Ôn làm Tham tán quân vụ, đem quân đánh Mạc.

Tháng 12 năm Canh Tý (1540), Nguyễn Kim kéo quân từ Ai Lao về nước đánh Nghệ An, nhiều hào kiệt theo về giúp Trung Hưng. Cuối năm Quý Mão (1543), nhà Lê chiếm được Tây Kinh, tướng Dương Chấp Nhất của nhà Mạc phải đầu hàng. Từ đó trong nước dần dần hình thành hai miền chịu sự khống chế của hai lực lượng đối lập: Thanh Hoá, Nghệ An trở vào thuộc vua Lê dưới sự giúp đỡ của các tướng họ Nguyễn rồi họ Trịnh (Nam Triều), vùng Bắc Bộ trong đó có cả kinh thành thuộc quyền Mạc (gọi là Bắc Triều). Từ đó bắt đầu một cuộc nội chiến tàn khốc kéo dài gần 50 năm (1545-1592) gọi là nội chiến Nam-Bắc triều. Năm Quý Tỵ (1545), Nguyễn Kim đem quân tiến đánh Sơn Nam, đến huyện Yên Mô thì bị hàng tướng của Mạc là Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc giết chết. Con rể Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm nắm giữ binh quyền, tiếp tục sự nghiệp tranh chấp với nhà Mạc. Từ đó họ Trịnh thế tập nắm giữ binh quyền, mở đầu thời kỳ "Vua Lê chúa Trịnh" sau này... Trịnh Kiểm có toàn quyền định đoạt việc quân ở ngoài cũng như việc nội triều, tất thấy đều tự quyết sau mới tâu với vua.

Năm Bính Ngọ (1546), Trịnh Kiểm lập hành tại vua Lê ở Vạn Lại (Thọ Xuân, Thanh Hoá). Lấy danh nghĩa phò Lê diệt Mạc, nhiều hào kiệt, danh sĩ đương thời lại tìm vào Thanh Hoá như Lương Đắc Bằng, Phùng Khắc Khoan.

Năm Mậu Thân (1548), Lê Duy Ninh mất, thọ 34 tuổi, ở ngôi 16 năm, quần thần dâng tên hiệu Lê Trang Tông, Trịnh Kiểm cho lập Thái tử là Duy Huyền lên nối ngôi.

♦ Lê Trung Tông (1548-1556):

Niên hiệu: Thuận Bình.

Tên thật là Huyền con lớn của Lê Trang Tông. Tính tình khoan rộng, thông suốt, có mưu lược để vương. Năm 1548 Trang Tông mất, Huyền được lập lên nối ngôi khi mới 15 tuổi, lấy hiệu là Trung Tông. Công việc trong triều đều giao cho Lượng quốc công Trịnh Kiểm quyết định. Năm Quý Sửu (1553) vua dời hành tại đến xã Yên Trường (trên tả ngạn sông Chu, thuộc Thọ Xuân Thanh Hoá), bản doanh của Trịnh Kiểm, năm sau, Giáp Dần (1554), lại dời đến xã Biện Thượng (tức Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, trên sông Mã) là nơi Trịnh Kiểm ở với mẹ khi còn nhỏ. Cũng từ năm đó nhà Lê bắt đầu đặt chế khoa để chọn nhân tài, kỳ thi năm Giáp Dần (1554) lấy đỗ 5 đệ nhất giáp chế khoa xuất thân và 8 người đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân. Vì quan niệm nhà Lê là chính thống, lúc đó nhiều nhà Nho dự thi và làm quan với nhà Lê như Đinh Bạt Tụy, Chu Quan Trú... Nhà Lê cũng thu hút được một số tướng giỏi như Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến, Lê Khắc Thận... bỏ nhà Mạc vào phò giúp, nên thế lực ngày càng mạnh.

Tháng Giêng năm Bính Thìn (1556) vua băng hà khi mới 22 tuổi, không có con nối, Trịnh Kiểm cùng với các đại thần sai người tìm con cháu họ Lê lập nên.

♦ Lê Anh Tông (1556-1573):

Niên hiệu:

- Thiên Hữu (1557);
- Chính Trị (1558-1571);
- Hồng Phúc (1572-1573).

Lê Anh Tông tên húy là Duy Bang, là dòng dõi nhà Lê. Trước đó, anh thứ hai của Lê Thái Tổ tên là Trừ, Trừ sinh ra Khang, Khang Sinh ra Thọ, Thọ sinh ra Duy Thiệu, Duy Thiệu sinh ra Duy Khoáng, Duy Khoáng lấy vợ người hương Bồ Vệ huyện Đông Sơn sinh ra Duy Bang. Khi Lê Trung Tông mất, không có con nối ngôi, Thái sư Trịnh Kiểm cùng các đại thần tìm được Duy Bang đang sống ở hương Bồ Vệ (Phía Nam thành phố Thanh Hoá), đón về lập làm vua, khi đó ông đã 25 tuổi.

Khi Trịnh Kiểm còn sống, mọi quyền hành trong triều đều do Trịnh Kiểm quyết định, vua chỉ việc nghe theo. Các trận đánh lớn với quân Mạc đều do Trịnh Kiểm chia quân điều khiển. Ngay cả khi Lê Duy Hàn em vua ngầm có ý khác lên vào trong cung lấy trộm ấn báu, bị vua bắt, vua xá tội cho, đến khi Duy Hàn phạm tội giết người, vua cũng giao cho Thái sư Trịnh Kiểm toàn quyền xét xử.

Tháng 2 năm Canh Ngọ (1570), Trịnh Kiểm ốm nặng rồi mất. Anh em Trịnh Cối và Trịnh Tùng tranh giành nhau quyền bính. Lúc này tình hình nhà Lê bị chia rẽ và suy yếu. Nhưng vua Lê Anh Tông đã trực tiếp điều hành, dàn xếp các mâu thuẫn này. Các tướng nhà Lê như Lê Cật Đệ cũng tỏ ra có năng lực và lập được nhiều chiến công, chính bản thân Lê Anh Tông cũng nhiều lần cầm quân ra trận. Mặc dù Lê Anh Tông vẫn tín nhiệm và trao quyền hành cao nhất cho Trịnh Tùng tước Trưởng quận công nắm giữ binh quyền nhưng nhiều lần vua vẫn tự làm đô tướng thống đốc đại binh đem quân cùng Trịnh Tùng ra đánh nhà Mạc ở phía Bắc. Quan hệ giữa vua và chúa có phần hoà thuận, song tháng 3 năm Nhâm Thân (1572), Lê Cật Đệ nhằm có ý khác, rủ Trịnh Tùng đi thuyền ra giữa sông mưu giết, Trịnh Tùng biết được, nên việc không xong. Từ đấy hai nhà thù oán nhau, bên ngoài giả cách hiệp sức với nhau để đánh Mạc, bên trong đều ngó nhau, đề phòng thích khách. Sau đó Trịnh Tùng lập mưu giết Lê Cật Đệ. Một số quần thần như Cảnh Hấp và Đinh Ngạn nói với vua rằng: Tả tướng nắm binh quyền to như vậy, bệ hạ khó lòng đứng được. Vua nghe nói thể vừa sợ, vừa ngờ, bèn ban đêm chạy ra ngoài cùng bốn hoàng tử đóng ở thành Nghệ An. Trịnh Tùng cùng với bề tôi lập con thứ 5 của vua Anh Tông là Duy Đàm lên ngôi và sai Nguyễn Hữu Liên đi đón vua cũ. Khi về đến Lôi Dương (Thanh Hoá), Anh

Tông bị giết chết.

Như vậy Lê Duy Bang ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi, đặt niên hiệu 3 lần: Thiên Hựu (1557), Chính Trị (1558-1571) và Hồng Phúc (1572-1573).

◆ Lê Thế Tông (1573-1599):

Niên hiệu:

- Gia Thái (1573-1577);
- Quang Hưng (1578-1599).

Vua Anh Tông có 5 người con trai, bốn người anh đã chạy cùng vua cha vào Nghệ An, còn lại Duy Đàm là con trai thứ 5, sinh tháng 11 năm Đinh Mão (1567), được nuôi ở xã Quảng Thị huyện Thụy Nguyên. Khi Anh Tông chạy ra ngoài, Duy Đàm còn thơ ấu không đi theo được. Tả tướng Trịnh Tùng lập lên nối ngôi, mới 7 tuổi. Trịnh Tùng cho tìm danh nho vào dạy học cho vua, vua học ngày càng tấn tới, hiểu biết rộng cả việc trong sách vở và việc ngoài đời.

Tháng 8 năm Canh Thìn (1578), vua cho khôi phục lệ thi Hội để lựa chọn nhân tài, cho Nguyễn Văn Giai và 3 người nữa đỗ tiến sĩ xuất thân, Lê Quang Hoa và một người nữa đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau gần 50 năm chiến tranh Nam Bắc triều, với trên 38 trận đánh lớn nhỏ, hàng vạn dân lành bị sung lính và bị đẩy vào các cuộc tàn sát khủng khiếp. Có những trận mỗi bên quân số lên đến 10 vạn người. Hai bên giằng co khá quyết liệt. Đến năm Tân Mão (1591), tiết chế Trịnh Tùng mở một cuộc hành binh lớn đánh trận quyết định ở Đông Kinh, bắt được Mạc Mậu Hợp, chiếm lại được kinh thành. Tháng 2 năm Quý Ty (1593), sau khi sửa sang lại được kinh thành, cung điện, Trịnh Tùng cho đón vua Lê từ hành cung Vạn Lại (Thanh Hoá) ra kinh thành Thăng Long (Đông Kinh). Ngày 16 tháng 4 năm Quý Ty (1593) vua lên chính điện coi châu, trăm quan đến chào mừng, đánh dấu sự nghiệp Trung Hưng của nhà Lê đã hoàn thành. Vấn đề đặt ra tiếp theo là công việc ngoại giao với nhà Minh. Sau nhiều cố gắng ngoại giao, đặc biệt là tài đối đáp và thơ phú của Phùng Khắc Khoan và phái bộ sang Yên Kinh, năm Mậu Tuất (1598), vua Minh phong cho Lê Duy Đàm là An Nam đô thống sứ, sắc phong và ấn bạc được sứ nhà Minh trực tiếp đưa sang.

Công cuộc Trung Hưng đã hoàn thành, lại được các quan thiên triều trọng vọng. Trịnh Tùng tự xưng làm Đô nguyên súy Tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương và định lệ cấp lộc cho vua Lê chỉ được thu thuế một ngàn xã, cấp cho 5.000 lính làm quân túc vệ, 7 con voi và 20 chiếc thuyền rồng. Còn lại quyền hành trong nước đều do Trịnh Vương toàn quyền quyết định, vua chỉ ngồi chấp tay không làm gì chỉ giữ đại cương, Từ đây thực sự bắt đầu thời kỳ mà sử gọi là Vua Lê chúa Trịnh.

Ngày 24/8 năm Kỷ Hợi (1599), vua băng hà, thọ 33 tuổi, ở ngôi được 27 năm.